

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 07-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Lô.
- Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức danh: Tổng giám đốc (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 1992; đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 16 tháng 12 năm 2022).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thu H; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S - Phòng G.

Bà Dương Thị Thu H ủy quyền lại cho: Bà Lê Thị T; Chức vụ: Chuyên viên khách kinh doanh thẻ, Ngân hàng TMCP S - Phòng G (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số D, Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn M, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số D, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 21/3/2023, ông Dương Văn M có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (sau đây gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng cho ông Dương Văn M như sau: Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng; mục đích: Tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ: 2,48%/tháng; phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Dương Văn M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.050.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Dương Văn M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.685.601 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Dương Văn M vẫn không có thiện chí trả số tiền nợ tín dụng còn lại trong thời hạn. Ông Dương Văn M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cũng theo thỏa thuận tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Tính đến ngày 09/10/2024, ông Dương Văn M còn nợ các khoản sau: Nợ gốc mới là 23.055.903 đồng, lãi quá hạn là 10.557.828 đồng, tổng dư nợ là 33.613.731 đồng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông Dương Văn M, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Dương Văn M trả nợ. Tuy nhiên, ông Dương Văn M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn M phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số

tiền tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 33.613.731 đồng, bao gồm nợ gốc là 23.055.903 đồng và lãi quá hạn là 10.557.828 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Dương Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày hoặc ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thuộc trường hợp không hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn ngày 18/11/2024 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày yêu cầu ông Dương Văn M phải trả số tiền 36.188.811 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 23.055.903 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 07/01/2025 là 13.132.908 đồng; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn M trả số tiền nợ vay và tiền lãi theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/3/2023 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận của Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo qui định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn M đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Dương Văn M.

[3] Về giao nộp chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Văn M không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Ông Dương Văn M và Ngân hàng giao kết hợp đồng tín dụng ngày 21/3/2024 do Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 điều chỉnh nên áp dụng luật này. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp tín dụng cho ông Dương Văn M dưới hình thức cho vay là đúng hoạt động của Ngân hàng thương mại theo qui định tại khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng phù hợp qui định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, các bên phải thực hiện theo các điều khoản được qui định trong hợp đồng. Nguyên đơn đã thực hiện cấp thẻ tín dụng cho ông Dương Văn M hạn mức 20.000.000 đồng, ông M đã thực hiện các giao dịch với số tiền 19.050.000 đồng. Ông Dương Văn M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.685.601 đồng, cụ thể: ngày 05/4/2023 thanh toán 100.000 đồng, ngày 05/5/2023 thanh toán 585.601 đồng và ngày 05/7/2023 thanh toán 1.000.000 đồng. Từ ngày 05/8/2023 đến nay ông Dương Văn M không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại mục 23.1 của Hợp đồng tín dụng. Theo thỏa thuận tại mục 1.10 của Hợp đồng tín dụng thì “Dư nợ” được tính gồm số tiền chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ. Vì vậy, Ngân hàng đã cộng dồn các khoản lãi và phí phát sinh vào số tiền ông M đã thực hiện giao dịch là 19.050.000 đồng thành số tiền nợ gốc mới là 23.055.903 đồng và tính lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.132.908 đồng là phù hợp theo thỏa thuận tại mục 23.4 của Hợp đồng tín dụng.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định ông Dương Văn M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận, buộc ông Dương Văn M phải trả cho Ngân hàng số tiền 36.188.811 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 23.055.903 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/01/2025) là 13.132.908 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 08/01/2025 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án xong theo qui định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Dương Văn M phải chịu 1.809.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 822.000 đồng (Tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009769 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 6, Điều 26, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Dương Văn M.

Buộc ông Dương Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tín dụng và tiền lãi tổng cộng là 36.188.811 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn tám trăm mười một đồng).

Ông Dương Văn M còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S từ ngày 08 tháng 01 năm 2025 tính trên số tiền chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/3/2023 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

Buộc ông Dương Văn M phải chịu 1.809.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ chín nghìn) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 822.000 đồng (T1 trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009769 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung